

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI LĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1155 /UBND-NV

Hải Lăng, ngày 02 tháng 12 năm 2020

V/v nộp hồ sơ, tài liệu đánh giá,
chấm điểm xếp loại mức độ
hoàn thành nhiệm vụ năm 2020

Kính gửi:

- Công an huyện Hải Lăng;
- Ban Chỉ huy Quân sự huyện Hải Lăng;
- Các phòng ban, đơn vị thuộc UBND huyện;
- Liên đoàn lao động huyện;
- Văn phòng điều phối NTM UBND huyện.

Thực hiện Quyết định số 3374/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy định tiêu chí đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố; Công văn số 996/SNV-CCHC-VTLT ngày 24/11/2020 của Sở Nội vụ về hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2020.

Để có cơ sở chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của UBND huyện Hải Lăng năm 2020 báo cáo UBND tỉnh, UBND huyện đề nghị các cơ quan, đơn vị cử cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị mình được phân công thực hiện chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị mình theo những lĩnh vực được phân công (có phụ lục sao gửi kèm).

1. Phương pháp chấm điểm

1.1. Khung chấm điểm

Căn cứ thang điểm chuẩn của từng tiêu chí, các cơ quan, đơn vị đối chiếu kết quả công việc đơn vị mình đã làm được, chưa làm được để tự chấm điểm cho từng công việc.

- Các chỉ tiêu có định lượng: nếu hoàn thành 100% so với kế hoạch là đạt điểm tối đa; nếu hoàn thành từ 50% - dưới 100% tính điểm theo tỷ lệ mức độ hoàn thành (Công thức tính: tỷ lệ % hoàn thành * điểm chuẩn/100%); nếu hoàn thành dưới 50%: 0 điểm.

- Các chỉ tiêu không định lượng:

+ Thực hiện đầy đủ nội dung của tiêu chí theo quy định: đạt điểm tối đa; thực hiện ước đạt khoảng 50% đến dưới 100% thì giảm điểm theo mức độ đạt được; thực hiện ước đạt khoảng dưới 50%: 0 điểm.

+ Không triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị hoặc được cấp có thẩm quyền giao: bị trừ điểm theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định số 3374/QĐ-UBND ngày 06/12/2019.

1.2. Điểm cộng (điểm thưởng)

- Các cơ quan có sáng tạo, đề xuất thêm các cơ chế chính sách ngoài các nhiệm vụ được giao hoặc sáng kiến, giải pháp trong thực hiện nhiệm vụ mang lại hiệu quả cao trong quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội được UBND tỉnh ghi nhận, mỗi sáng kiến, giải pháp hoặc đề xuất được thưởng 05 điểm, nhưng không quá 10 điểm.

- Các chỉ tiêu về kinh tế nếu hoàn thành vượt kế hoạch đề ra thì được cộng điểm thưởng quy định tại điểm b Mục I Điều 4 Quyết định số 3374/QĐ-UBND ngày 06/12/2019.

1.3. Trừ điểm (điểm phạt)

- Đối với các tiêu chí không định lượng: nếu không triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị hoặc được cấp có thẩm quyền giao, mỗi nội dung không thực hiện thì bị trừ 03 điểm.

- Chấp hành chế độ thông tin, báo cáo chậm so với quy định, một việc trừ 02 điểm.

- Cơ quan, đơn vị bị Chủ tịch UBND tỉnh, hoặc cấp có thẩm quyền khiển trách, nhắc nhở bằng văn bản, mỗi lần trừ 03 điểm.

- Cơ quan, đơn vị có đơn thư khiếu nại, tố cáo vượt cấp (trừ đơn, thư nặc danh) được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo phản ánh, hoặc có cán bộ, công chức vi phạm trong khi thi hành công vụ, bị xử lý kỷ luật, mỗi lần trừ 03 điểm.

- Cơ quan, đơn vị không tập trung giải quyết khiếu kiện theo thẩm quyền, dẫn đến có khiếu kiện đông người (từ 05 người trở lên) lên cấp tỉnh, Trung ương, mỗi lần trừ 06 điểm.

2. Về tài liệu kiểm chứng

Việc tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị bắt buộc phải có tài liệu kiểm chứng để xác định mức độ tin cậy của việc đánh giá, chấm điểm. Đối với những tiêu chí, nhóm tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng thì phải diễn giải đầy đủ, cụ thể cách đánh giá, tính điểm.

Tài liệu kiểm chứng là tất cả những kết quả được thống kê và ghi tiêu đề vào cột tài liệu kiểm chứng của Bảng tổng hợp kết quả phục vụ cho công tác thẩm định, gồm: Các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch, báo cáo, quyết định,... các số liệu thống kê trên các lĩnh vực của các cơ quan, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận để phục vụ cho việc tính điểm. *(Lưu ý, tài liệu kiểm chứng đối với nhóm tiêu chí hoặc tiêu chí phải ghi cụ thể số văn bản, ngày tháng năm ban hành và tiêu đề cụ thể).*

Kết quả tự đánh giá, chấm điểm của mỗi cơ quan, đơn vị trên lĩnh vực mình tham mưu, phụ trách là kết quả đánh giá UBND huyện Hải Lăng trong năm 2020. Vì vậy, đề nghị các cơ quan, đơn vị thực hiện chấm điểm đúng theo mẫu và sao gửi tài liệu kiểm chứng đầy đủ.

3. Thời gian hoàn thành

Các cơ quan, đơn vị hoàn thành việc đánh giá, chấm điểm và gửi **Báo cáo theo bảng tổng hợp chấm điểm**, đồng thời gửi **01 bản giấy bộ tài liệu kiểm chứng** kèm theo về UBND huyện (qua phòng Nội vụ) và gửi file PDF qua địa chỉ mail tranhuuphong@quangtri.gov.vn **chậm nhất ngày 08/12/2020**.

Giao Phòng Nội vụ theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện của các cơ quan, đơn vị; tổng hợp tham mưu UBND huyện báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2020 **chậm nhất ngày 14/12/2020**.

Quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh với Phòng Nội vụ để kịp thời giải quyết (*Ông Trần Hữu Phong, chuyên viên Phòng Nội vụ - SĐT 0905.994.894*).

Hồ sơ và kết quả đánh giá, chấm điểm xếp loại UBND huyện được xem như là một trong những tiêu chí để đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét thi đua khen thưởng cuối năm của các cơ quan, đơn vị. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị nghiêm túc thực hiện đảm bảo chất lượng và đúng thời gian quy định. /

Nơi nhận:

- Như kính trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- CVP, PVP, CV;
- Lưu: VT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Đức Thịnh

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI
MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ NĂM 2020**

(Kèm theo Công văn số: 1155/UBND-NV ngày 02/12/2020 của UBND huyện Hải Lăng)



Đơn vị thực hiện	TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (tài liệu kiểm chứng phải ghi cụ thể số văn bản, ngày tháng năm ban hành và tiêu đề văn bản)
	I	Các chỉ tiêu về kinh tế	75		
	A	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch	65		
Phòng Tài chính - Kế hoạch	1	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	12		
	2	Tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn	10		
	3	Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn	9		
Văn phòng điều phối NTM	4	Số xã đạt nông thôn mới theo kế hoạch được phê duyệt	8		
Phòng Tài chính - Kế hoạch	5	Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới so với kế hoạch	6		
	6	Tỷ lệ hợp tác xã, lao động kinh tế cá thể thành lập mới so với kế hoạch	6		
Phòng LĐTB&XH	7	Giảm tỷ lệ hộ nghèo so với kế hoạch	7		
	8	Số lao động được giải quyết việc làm/số lao động trong độ tuổi.	7		
Tất cả các đơn vị, phòng ban phụ trách mục I.A	B	Điểm thưởng thực hiện vượt chỉ tiêu theo kế hoạch <i>Điểm thưởng thực hiện vượt kế hoạch được tính theo tỷ lệ: 1% thưởng 02 điểm, nhưng tổng điểm thưởng của các chỉ tiêu không vượt quá 10 điểm.</i>	10		
	II	Các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực văn hóa - xã hội	65		
Phòng Văn hóa - Thông tin chủ trì phối hợp với Trung tâm VHTD-TT huyện	1	Văn hoá, Thể thao và Du lịch	15		
	a	Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch, không có tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định quản lý nhà nước về văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch	5		

Đơn vị thực hiện	TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (tài liệu kiểm chứng phải ghi cụ thể số văn bản, ngày tháng năm ban hành và tiêu đề văn bản)
	b	Hoàn thành kế hoạch hoạt động sự nghiệp văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch	7		
	-	Đạt tỷ lệ xây dựng thiết chế văn hóa - thể thao cấp huyện, cấp xã so với kế hoạch năm	2		
	-	Đạt tỷ lệ làng, bản, thôn, gia đình được công nhận danh hiệu đơn vị văn hóa so với kế hoạch năm	2		
	-	Tổ chức thành công các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT theo kế hoạch năm	3		
	c	Tham gia đầy đủ Giải, Hội thi, Hội diễn về văn hóa, văn nghệ, TDTT do tỉnh tổ chức	3		
Phòng Giáo dục và Đào tạo	2	Giáo dục và Đào tạo	15		
	a	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia so với số trường hiện có của 3 cấp học (Mầm non, Tiểu học, THCS)	3		
	b	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	3		
	c	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bậc tiểu học	3		
	d	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bậc THCS	3		
	đ	Có học sinh đạt giải cấp tỉnh trở lên (Có HS đạt giải: có điểm thưởng; Không có HS đạt giải: Không có điểm thưởng)	3		
Phòng y tế	3	Y tế	15		
	a	Tỷ lệ trạm xá xã có bác sỹ so với số xã hiện có	2		
	b	Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế so với số xã hiện có	2		
	c	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế so với tổng số dân hiện có	3		
	d	Thực hiện các chương trình quốc gia về y tế; tiêm chủng các loại vắc xin	2		
	đ	Kiểm soát, phòng chống dịch bệnh	3		
	e	Thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm	3		
Công an huyện	4	Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội	10		
	a	Phòng chống tệ nạn ma túy (Không có: đạt điểm tối đa, giảm so với năm trước: đạt ½ số điểm; Tăng: 0 điểm)	3		

Đơn vị thực hiện	TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (tài liệu kiểm chứng phải ghi cụ thể số văn bản, ngày tháng năm ban hành và tiêu đề văn bản)
	b	Phòng chống tệ nạn mại dâm (Không có: đạt điểm tối đa, giảm so với năm trước: đạt ½ số điểm; Tăng: 0 điểm)	2		
	c	Phòng chống tệ nạn cờ bạc (Không có: đạt điểm tối đa, giảm so với năm trước: đạt ½ số điểm; Tăng: 0 điểm)	3		
	d	Phòng chống các tệ nạn khác (Không có: đạt điểm tối đa, giảm so với năm trước: đạt ½ số điểm; Tăng: 0 điểm)	2		
	5	Bảo vệ môi trường	10		
Phòng Tài nguyên - Môi trường	a	Công tác bảo vệ môi trường, thực hiện phong trào “xanh-sạch-đẹp” trong các cơ quan, trường học, bệnh viện, làng, xã...	3		
Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn	b	Tỷ lệ che phủ rừng	1		
Phòng Tài nguyên - Môi trường	c	Xử lý, thu gom rác thải	2		
Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn	d	Tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch	2		
Phòng Tài nguyên - Môi trường	đ	Bảo vệ nguồn nước và môi trường không khí	2		
	III	Công tác quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội.	15		
BCH Quân sự huyện	1	Công tác tuyển, giao quân	2		
BCH Quân sự huyện Công an huyện Phòng NN&PTNT	2	Công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn	2		
Công an huyện Phòng Tài nguyên & Môi trường	3	Phòng chống cháy nổ, cháy rừng	2		
Công an huyện	4	Đảm bảo tốt công tác an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương	3		
	5	Phòng, chống tội phạm	2		
	6	Công tác đảm bảo an toàn giao thông, giảm tai nạn giao thông	2		
BCH Quân sự huyện Công an huyện	7	Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ, xây dựng cơ sở an toàn làm chủ.	2		

Đơn vị thực hiện	TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (tài liệu kiểm chứng phải ghi cụ thể số văn bản, ngày tháng năm ban hành và tiêu đề văn bản)
Phòng Nội vụ	IV	Kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính (Lấy theo kết quả chấm điểm Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị theo Quyết định công bố của UBND tỉnh; thang điểm chấm theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 5 Quy định này)	80		
Thanh tra huyện	V	Kết quả công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo	20		
	1	Tổ chức công tác tiếp dân theo quy định	5		
	2	Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền	15		
	a	Tiếp nhận và xử lý đơn thư thuộc thẩm quyền (Tỷ lệ đơn thư được giải quyết/Đơn thư tiếp nhận đúng thẩm quyền giải quyết)	5		
	b	Kết quả giải quyết đơn thư (Tỷ lệ đơn thư giải quyết đúng quy định pháp luật được đối tượng tuân thủ thực hiện/Tổng số đơn thư được giải quyết); Đồng thời các đơn thư giải quyết không dứt điểm, để khiếu nại nhiều lần hoặc vượt cấp bị trừ điểm ở mục điểm trừ.	10		
	VI	Thực hiện quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị và kỷ luật, kỷ cương hành chính	35		
VP HĐND & UBND huyện	1	Chấp hành các quy định, ý kiến chỉ đạo của cấp trên	4		
Phòng Nội vụ	2	Ban hành và thực hiện các quy định về quy chế dân chủ, công tác dân vận chính quyền.	7		
	a	Ban hành kế hoạch đúng yêu cầu về nội dung và thời gian	2		
	b	Kết quả thực hiện theo kế hoạch	5		
Thanh tra huyện Phòng Văn hóa - Thông tin Phòng Tài chính - Kế hoạch	3	Ban hành và thực hiện các quy định về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, quy chế chi tiêu nội bộ, văn hóa công sở	7		
	a	Ban hành các kế hoạch đúng yêu cầu về nội dung và thời gian	2		
	b	Kết quả thực hiện theo kế hoạch	5		

Đơn vị thực hiện	TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (tài liệu kiểm chứng phải ghi cụ thể số văn bản, ngày tháng năm ban hành và tiêu đề văn bản)
Phòng Nội vụ	4	Chấp hành và sử dụng có hiệu quả thời giờ làm việc theo quy định của pháp luật, nội quy, quy định của cơ quan, đơn vị. Đối với công chức có trách nhiệm tiếp, làm việc trực tiếp với người dân và doanh nghiệp tại trụ sở phải đeo thẻ công chức.	9		
	a	Chấp hành và sử dụng có hiệu quả thời giờ làm việc theo quy định của pháp luật, nội quy, quy định của cơ quan, đơn vị	7		
	b	Đeo thẻ công chức khi làm việc	2		
Liên đoàn lao động huyện	5	Thành lập Ban thanh tra nhân dân và có báo cáo kết quả hoạt động hàng năm	3		
VP HĐND & UBND huyện	6	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định	5		
Phòng Kinh tế - Hạ tầng	VII	Kết quả thực hiện nhiệm vụ về Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh tại địa phương, đơn vị (PCI)	30		
	1	Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định ban hành Chương trình hành động cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (Theo Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 07/7/2014 của UBND tỉnh)	5		
	2	Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch cải thiện chỉ số PCI	13		
	a	Công tác tuyên truyền, phổ biến về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh	3		
	b	Kết quả giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp liên quan đến ngành, lĩnh vực, địa phương mình	7		
	c	Công bố các tài liệu quy hoạch, kế hoạch, các quy trình, thủ tục...nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận thông tin	3		
	3	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo liên quan đến chỉ số PCI theo quy định	4		
	4	Sáng kiến trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh	8		

Đơn vị thực hiện	TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (tài liệu kiểm chứng phải ghi cụ thể số văn bản, ngày tháng năm ban hành và tiêu đề văn bản)
Phòng Nội vụ	VIII	Kết quả thực hiện nhiệm vụ về duy trì và củng cố Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI)	20		
	1	Thực hiện duy trì và củng cố Chỉ số Hiệu quả quản trị hành chính công hàng năm	5		
	a	Xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm đúng yêu cầu về nội dung và thời gian	2		
	b	Kết quả thực hiện theo kế hoạch	3		
	2	Hướng dẫn các đơn vị cấp huyện, cấp xã thực hiện các nội dung liên quan đến các chỉ số PAPI	10		
	a	Các văn bản hướng dẫn	4		
	b	Kết quả đạt được theo các nội dung hướng dẫn	6		
	3	Kết quả thực hiện các tiêu chí liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của các ngành, địa phương theo chỉ số thành phần PAPI (Đối với các đơn vị không có tiêu chí, trừ vào điểm tổng)	3		
	4	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về chỉ số PAPI	2		
Tất cả các đơn vị, phòng ban	IX	Sáng kiến, giải pháp để đạt được hiệu quả cao trong thực hiện nhiệm vụ của năm (Điểm thưởng: Mỗi sáng kiến, giải pháp đạt hiệu quả cao được 05 điểm, tối đa không quá 10 điểm)	10		
		TỔNG CỘNG	350		
	VIII	Điểm trừ			
		Nội dung bị trừ điểm theo quy định			
		TỔNG ĐIỂM (Sau khi đã trừ điểm (nếu có))	350		
		Tự xếp loại			